UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY ĐIỀU HÀNH PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 9481/BC-TTCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 10/11/2021

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày								Số F1	Số F2	Lũy kế ca bệnh
		Tổng cộng	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong khu CLTT	Số ca trong khu phong tỏa	Sàng lọc cộng đồng						
						Tổng	Trong đó					
							Cộng đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp			
1	Biên Hòa	259	155	104	0	0	0	0	0	115	3	**30.785**
2	Nhơn Trạch	117	21	96	0	0	0	0	0	3	0	**17.105**
3	Vĩnh Cửu	48	4	0	44	0	0	0	0	154	10	**12.671**
4	Trảng Bom	120	17	85	18	0	0	0	0	78	0	**7.780**
5	Long Thành	158	7	0	151	0	0	0	0	-	-	**2.987**
6	Thống Nhất	14	12	2	0	0	0	0	0	45	0	**1.157**
7	Định Quán	82	2	22	58	0	0	0	0			**777**
8	Long Khánh	38	35	0	3	0	0	0	0	0	0	**587**
9	Cẩm Mỹ	22	19	3	0	0	0	0	0	21	11	**561**
10	Xuân Lộc	27	20	7	0	0	0	0	0	-	-	**548**
11	Tân Phú	45	17	0	28	0	0	0	0	-	-	**495**
12	Ngoại tỉnh, khác	18	0	18	0	0	0	0	0	-	-	**399**
Tổng số		**930**	**309**	**319**	**302**	**0**	**0**	**0**	**0**	**416**	**24**	**75.852**

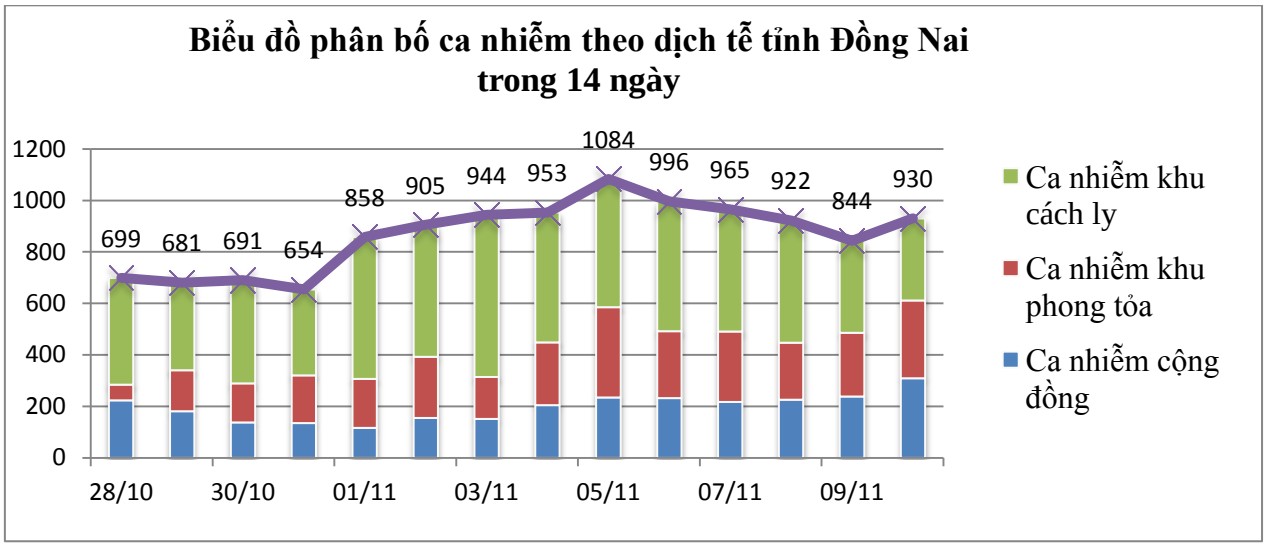

- F0 cộng đồng: trong ngày phát sinh 309 ca (tăng 29,3%) so với hôm qua, Lũy kế trong 07 ngày là 1.663 ca (tăng 51,0% so với 7 ngày trước đó). cụ thể như sau:

- Biên Hòa: ghi nhận 155 ca ngụ tại An Bình (14), Bình Đa (02), Bửu Hòa (06), Bửu Long (01), Hiệp Hòa (03), Hố Nai (03), Hóa An (12), Long Bình (36), Long Bình Tân (07), Phước Tân (05), Quang Vinh (03), Quyết Thắng (01), Tam Hiệp (02), Tam Hòa (04), Tam Phước (10), Tân Biên (03), Tân Hiệp (07), Tân Hòa (01), Tân Mai (04), Tân Phong (04), Tân Tiến (02), Tân Vạn (01), Thống Nhất (03), Trảng Dài (15), Trung Dũng (03).

- **Cẩm Mỹ:** ghi nhận 19 ca ngụ tại Bảo Bình (02), Lâm San (01), Thừa Đức (10), Xuân Đông (01), Xuân Đường (02), Xuân Mỹ (01), Xuân Tây (02).

- **Định Quán:** ghi nhận 02 ca ngụ tại Phú Túc (01), Suối Nho (01).

- **Long Khánh:** ghi nhận 35 ca ngụ tại Bảo Quang (01), Bảo Vinh (07), Bàu Sen (01), Bàu Trâm (02), Bình Lộc (02), Hàng Gòn (02), Suối Tre (06), Xuân An (03), Xuân Lập (07), Xuân Tân (01), Xuân Thanh (01), Xuân Trung (01).

- Long Thành: ghi nhận 07 ca cùng ngụ tại Lộc An.

- **Nhơn Trạch:** ghi nhận 21 ca ngụ tại Hiệp Phước (05), Long Thọ (05), Phú Đông (05), Phú Hội (03), Phước Khánh (03).

- **Tân Phú:** ghi nhận 17 ca ngụ tại Phú Lập (01), Phú Lộc (01), Phú Thịnh (03), Nam Cát Tiên (01), Phú Bình (02), Phú Điền (02), Phú Lâm (01), Phú Xuân (04), TT Tân Phú (02).

- **Thống Nhất**: ghi nhận 12 ca ngụ tại Bàu Hàm 2 (01), Gia Kiệm (01), Gia Tân 1 (01), Gia Tân 3 (04), Hưng Lộc (02), Lộ 25 (02), Quang Trung (01).

- **Trảng Bom**: ghi nhận 17 ca ngụ tại Bắc Sơn (01), Bình Minh (03), Cây Gáo (01), Giang Điền (02). Hố Nai 3 (01), Quảng Tiến (03), Tây Hòa (03), Trung Hòa (01), TT Trảng Bom (02).

- **Vĩnh Cửu**: ghi nhận 04 ca ngụ tại Thạnh Phú

- **Xuân Lộc**: ghi nhận 20 ca ngụ tại Bảo Hòa (01), Gia Ray (03), Xuân Bắc (04), Xuân Định (02), Xuân Hưng (04), Xuân Thọ (06)

Nhận xét: Số ca nhiễm tại cộng đồng tăng 29,3% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 51,0% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch cộng đồng có nguồn lây đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất và người về từ vùng

có dịch, tạo thành nhiều ổ dịch lây nhiễm thứ phát rải rác trong cộng đồng. Trong ngày có 11/11 huyện/thành phố đều ghi nhận ca nhiễm trong cộng đồng, nhiều nhất tại An Bình (14), Hóa An (12), Tam Phước (10), Trảng Dài (15) – Biên Hòa.

Số ca mắc mới tại cộng đồng (trừ ca mắc trong khu cách ly, nhập cảnh) /100.000 dân/tuần là 112 ca (Tổng dân số toàn tỉnh là 3.160.640 người theo báo cáo các huyện, thành phố).

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

Số lượng khu cách ly tập trung do các huyện, thành phố quản lý trên địa bàn tỉnh: 54 khu với 9.303 giường. Số lượng cơ sở cách ly đã giảm 65,8% do bàn giao lại các cơ sở giáo dục.

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	27	1.828	36.591	38.419
Cách ly tại nhà	702	21.825	68.359	90.184
Theo dõi sức khỏe	449	6.415	31.118	37.533

Trong đó :

- **F1 :** Đang theo dõi: 1.595; Lũy kế: 25.415
- **F2:** Đang theo dõi: 6.242; Lũy kế: 36.429
- **Khác (**người về từ vùng dịch, nhập cảnh): Đang theo dõi: 217; Lũy kế: 12.578

2. Điều trị

2.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch/Đang điều trị
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	930	13.308	676	61.976	00	600	33
Tỉ lệ		**17,54%**		**81,67%**		**0,79%**	**0,25%**

- Các ca đang điều trị: ECMO 01 ca (0,01%), thở máy xâm lấn 32 ca (0,24%), CPAP 3 ca (0,02%), HFNC 22 ca (0,17%), thở oxy 252 ca (1,89%), có triệu chứng trung bình 1.433 ca (11,24%), không triệu chứng hoặc triệu chứng nhẹ 11.058 ca (86,72%).

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	424	130	294
Tầng 2	9.481	5.142	4.339
Tầng 1	8.361	5.165	3.196

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương triển khai	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Lũy kế
1	Biên Hòa	49	424	486
2	Trảng Bom	29	796	844
	Tổng	**78**	**1.220**	**1.330**

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19

3.1. Tình hình tiêm chủng cho người trưởng thành từ 18 tuổi trở lên

STT	Địa phương	Số lượng tiêm trong ngày	Đã tiêm (Dữ liệu cập nhật trên hệ thống tiêm chủng MCC)			Tỉ lệ bao phủ (%)		Số vắc xin còn lại
			Mũi 1	Mũi 2	Tổng	Mũi 1	Mũi 2	
A	**Tỉnh Đồng Nai**	**71.082**	**2.709.841**	**2.054.895**	**4.764.736**	**108,04%**	**81,93%**	**271.049**
1	Biên Hòa	7.003	946.027	741.850	1.687.877	108,91%	85,40%	**101.140**
2	Long Khánh	1.234	137.502	109.828	247.330	112,88%	90,16%	**2.162**
3	Xuân Lộc	11.286	196.652	139.986	336.638	118,43%	84,31%	**20.312**
4	Tân Phú	9.407	116.967	55.085	172.052	87,08%	41,01%	**18.774**
5	Cẩm Mỹ	5.209	101.432	92.530	193.962	99,17%	90,47%	-
6	Trảng Bom	10.212	289.930	208.677	498.607	102,38%	73,68%	**27.406**
7	Định Quán	8.882	152.090	113.978	266.068	100,86%	75,59%	**8.854**
8	Vĩnh Cửu	11.286	144.087	113.101	257.188	118,93%	93,36%	-
5	Long Thành	2.300	233.819	176.618	410.437	122,38%	92,44%	**48.491**
10	Thống Nhất	3.913	121.299	96.279	217.578	93,09%	73,89%	**2.523**
11	Nhơn Trạch	350	270.036	206.963	476.999	113,23%	86,79%	**33.926**

***Ghi chú:** Tỉ lệ độ bao phủ được tính đựa trên số liệu dân cư do các huyện/thành phố thống kê thực tế. Hiện tính trên tổng số đối tượng từ 18 tuổi trở lên là 2.508.100 người.

- Tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:
  + Mũi 1: 108,04% ; Mũi 2: 81,93%.
- Tỉnh Đồng Nai đã triển khai 21 đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh với tổng số vắc xin được phân bổ của Bộ Y tế là 4.787.428 liều. Số vắc xin còn lại chưa sử dụng là 271.049 liều.

TT	Địa phương	Người từ 65 tuổi trở lên (A) Mục tiêu tháng 10 đạt từ 80% trở lên			Người từ 50 tuổi trở lên (B) Mục tiêu tháng 11 đạt từ 80% trở lên		
		Dân số	Số lượng	Tỷ lệ	Dân số	Số lượng	Tỷ lệ

		(A)	(A) tiêm đủ liều	%	(B)	(B) tiêm đủ liều	%
1	Biên Hòa	63.535	63.402	99,79	198.192	196.901	99,35
2	Long Khánh	13.089	13.051	99,71	37.675	36.408	96,64
3	Long Thành	23.332	21.704	93,02	59.005	55.478	94,02
4	Nhơn Trạch	15.226	14.531	95,44	48.894	47.049	96,23
5	Thống Nhất	13.037	11.391	87,37	37.414	29.124	77,84
6	Trảng Bom	19.115	16.922	88,53	92.978	86.980	93,55
7	Vĩnh Cửu	9.484	8.090	85,30	32.466	28.507	87,81
8	Xuân Lộc	19.734	16.950	85,89	57.427	47.027	81,89
9	Cẩm Mỹ	10.044	9.369	93,28	34.375	32.670	95,04
10	Định Quán	13.434	12.410	92,38	35.412	31.939	90,19
11	Tân Phú	11.970	11.160	93,23	23.040	14.531	63,07
	Tổng	**212.000**	**198.980**	**93,86**	**656.878**	**606.614**	**92,35**

Lưu ý: Số liệu tiêm vắc xin cho người trên 50 tuổi được hiệu chỉnh theo báo cáo thực tế của các địa phương.

- Tỉ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 93,86%.
- Tỉ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 92,35%.

3.2. Tình hình tiêm chủng cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuôi.

STT	Địa phương	Trẻ em (Từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi)						
		Dân số	Số điểm tiêm	Số mũi tiêm (Mũi 1)	Tỉ lệ	Phản ứng nhẹ	Phản ứng nặng	Số vắc xin còn lại
1	Biên Hòa	93.343	7	5.991	6,42%	1	0	4878
2	Long Khánh	13.790	8	3.596	26,08%	0	0	
3	Long Thành	22.096	10	8.369	37,88%	1	0	
4	Nhơn Trạch	23.393	3	4.925	21,05%	1	0	54
5	Thống Nhất	16.405	3	4.620	28,16%	0	0	
6	Trảng Bom	32.440	0	0	0,00%	0	0	
7	Vĩnh Cửu	15.893	1	4.109	25,85%	0	0	230
8	Xuân Lộc	24.646	4	6.332	25,69%	0	0	
9	Cẩm Mỹ	12.810	3	3.837	29,95%	0	0	
10	Định Quán	23.014	0	13.820	60,05%	0	0	1836
11	Tân Phú	17.908	2	2.353	13,14%	2	0	1638
	Tổng	**295.738**	**41**	**57.952**	19,60%	**5**	**0**	**8.636**

- Tỉ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đạt 19,60%.

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	1.695	274	1.474.556	6.712
RT-PCR mẫu đơn	6.774	2.881	1.888.572	191.974
RT-PCR mẫu gộp	552	151	336.956	24.059
Lượt người thực hiện PCR	9.381	2.881	3.569.203	191.974

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 85 mẫu tại Vĩnh Cửu (01), Định Quán (17),, Trảng Bom (51), Cẩm Mỹ (16).
- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 151 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Triển khai Kế hoạch số 13691/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thiết lập Trạm Y tế lưu động trong bối cảnh dịnh bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 108 TYT lưu động. Trong đó:
  + TYT lưu động tại địa phương: Biên Hòa (30), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (13), Thống Nhất (02), Tân Phú (03), Long Khánh (15).
  + TYT lưu động tại khu công nghiệp: Long Khánh (01).
- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Số ca nhiễm tại cộng đồng tăng 29,3% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 51,0% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch cộng đồng có nguồn lây đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất và người về từ vùng có dịch, tạo thành nhiều ổ dịch lây nhiễm thứ phát rải rác trong cộng đồng. Trong ngày có 11/11 huyện/thành phố đều ghi nhận ca nhiễm trong cộng đồng, nhiều nhất tại An Bình (14), Hóa An (12), Tam Phước (10), Trảng Dài (15) – Biên Hòa.

- Số ca mắc mới tại cộng đồng (trừ ca mắc trong khu cách ly, nhập cảnh) /100.000 dân/tuần là 112 ca (Tổng dân số toàn tỉnh là 3.160.640 người theo báo cáo các huyện, thành phố).

- Tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 108,04% ; Mũi 2: 81,93%.

- Tỉ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 93,86%.
- Tỉ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 92,35%.
- Tỉ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đạt 19,60%.

- Tỉnh Đồng Nai đã triển khai 21 đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh với tổng số vắc xin được phân bổ của Bộ Y tế là 4.787.428 liều. Số vắc xin còn lại chưa sử dụng là 271.049 liều

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kì đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.

- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 tên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

III. Công tác an sinh xã hội

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trong ngày

	Trong ngày	**Lũy kế**
Đã phê duyệt		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.203 đơn vị
2. Người lao động	4.779 người	1.067.631 người
3. Hộ kinh doanh	77 hộ	13.161 hộ
Đã chi trả		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.203 đơn vị
2. Người lao động	9.019 người	1.019.133 người
3. Hộ kinh doanh	158 hộ	12.762 hộ

TT	**Địa phương**	**Lũy kế số người đã chi/số phê duyệt (người)**	**Lũy kế số tiền đã chi/số phê duyệt (tỷ đồng)**	**Tỷ lệ**
1	TP. Biên Hòa	399.994/416.987	649,02/697,23	95,92

2	Cẩm Mỹ	19.795/21.224	29,86/31,00	93,27
3	Định Quán	31.646/32.845	48,73/50,53	96,35
4	TP. Long Khánh	47.972/48.400	77,03/77,67	99,12
5	Long Thành	52.781/52.781	81,74/81,74	100
6	Nhơn Trạch	109.991/114.961	176,03/183,36	95,68
7	Tân Phú	32.767/43.166	49,43/65,03	75,91
8	Trảng Bom	145.380/157.405	242,90/255,84	92,36
9	Thống Nhất	26.496/26.496	39,94/39,94	100
10	Xuân Lộc	53.119/53.119	83,67/83,67	100
11	Vĩnh Cửu	76.296/76.300	214,50/214,51	99,99
	Tổng cộng	**996.237/1.043.884**	**1.692,86/1781,53**	**95,45**

Lưu ý: *bao gồm người lao động tự do, lao động tạm hoãn HĐLĐ, ngừng việc trong doanh nghiệp và Hộ kinh doanh.*

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT

(Cập nhật đến ngày 04/11/2021 tại Báo cáo số 743/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố	Xã, phường
Cấp 1 (Bình thường mới)	02* (tăng 01)	74 (giảm 27)
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	08 (giảm 02)	74 (tăng 16)
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	01** (tăng 01)	22 (tăng 11)
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	00

* TP Long Khánh, huyện Định Quán

** Huyện Vĩnh Cửu

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 18 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng…)	Không triệu chứng					
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	4	0	4	0	23		156		4		14	5	0	0	0	0			17
2	BVTN/TTHSTC	400	200	4	4	9	3	77	185	219	49	11	3	19	25			3	3	55	22	123
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	0	0	0	0	18	56	38	31	3	0	0	15	0	0	0	2	8	3	22
4	BVĐKKVLT	100	100	0	0	0	0	12	70	34	0	1	0	0	11	0	0	0	0	11	1	88
5	BV Nhi ĐN	20	10					0		1												
6	BV Định Quán	60	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Đồng Nai 2	10	2	0	0	0	0	0	120	0	296	0	0	0	2	2	0	0	0	1	1	8
Tổng cộng (tầng 3)		**730**	**392**	**8**	**4**	**13**	**3**	**130**	**432**	**448**	**376**	**19**	**3**	**33**	**58**	**2**	**0**	**3**	**5**	**75**	**27**	**269**
TẦNG 2																						

1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	3	30	0	0	111	24	2	1365	2	0	0	1	63	47	2	25	82	2	174
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	4	0	1	0	365	94	0	1233	0	0	0	6	150	70	8	75	156	17	5
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	7	0	0	0	483	69	0	2126	0	0	0	18	16	449	14	104	459	100	17
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	13	0	0	0	335	62	0	1686	0	0	0	1	40	293	0	101	313	5	10
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	0	28	0	0	169	41	0	1154	0	0	0	0	22	147	1	57	164	5	31
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	88	77	0	0	525	110	0	4798	0	0	0	9	154	362	7	126	485	11	485
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	73	33	3	0	679	139	1	3585	0	0	0	12	289	378	10	209	418	42	21
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635				0	623	43	0	1815	0	0	0	18	169	436	5	143	468	12	12
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	0	0	0	0	487	23	0	1856	0	0	0	4	306	177	4	138	432	1	175
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	**807**	**96**	**62**	**2**	**0**	**642**	**71**	**0**	**2661**	**0**	**0**	**0**	**31**	**250**	**392**	**3**	**158**	**462**	**22**	**165**
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	0	0	2	0	285	11	0	171	0	0	0	2	205	80	3	64	194	7	100
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	0	14	0	0	49	24	0	627	0	0	0	2	30	19	0	1	42	0	70
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	8	8	2	0	49	116	15	281	1	0	0	30	35	7	1	1	10	18	25
14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	5	7	0	0	53							0	36	17		30	22	22	0
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	3	0	0	21	0	0	176	0	0	0	1	17	3	0	2	17	2	
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	2	0	0	0	9	7	0	21	0	0	0	5	9	0	0	0	0	4	21
17	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	2		5		0	0	0	0	0	2	0	0	0		
18	Bệnh viện Đồng Nai 2	60	106	1	5	0	0	106	120	0	296	0	0	0	2	21	83	0	14	71	21	0
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	1	2	0	0	87	134	0	141	0	0	0	0	44	43	0	0	0	15	0
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	2	4	0	0	41	27	1	152	0	0	0	0	26	15	1	13	24	3	24
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	0	0	0	0	21	17	0	44	0	0	0	10	20	1	0	1	10	5	0
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200								5				3							
Tổng cộng (tầng 2)		**10547**	**9198**	**303**	**273**	**10**	**0**	**5142**	**1132**	**24**	**24193**	**3**	**0**	**0**	**155**	**1902**	**3021**	**59**	**1262**	**3829**	**314**	**1335**
TẦNG 1																						
1	Biên Hòa	4450	3925	93	544	6	0	2498	706	12	5653	0	0	0	9	543	2012	11	721	2257	51	1018
2	Long Khánh	400	310	0	0	0	0	17	39	0	90	0	0	0	0	10	7	0	4	16	0	293
3	Vĩnh Cửu	3393	3343	15	102	3	0	350	1424	3	6430	0	0	0	0	33	317	2	96	252	3	2694
4	Định Quán	100	89	6	2	0	0	17	42	0	80	0	0	0	0	10	7	1	2	11	0	

5	Tân Phú	60	60	4	0	0	0	40	44	0	4	0	0	0	0	0	40	0	7	33	0	16
6	Trảng Bom	1328	1039	42	77	0	0	445	1435	2	3422	0	0	0	0	16	429	3	148	291	3	792
7	Thống Nhất	130	140	1	0	1	0	6	93	0	15	0	0	0	0	2	4	0	0	6	0	135
9	Cẩm Mỹ	500	200	6	0	0	0	65	7	0	33	0	0	0	0	30	35	0	13	50	0	135
10	Long Thành	250	250	0	7	0	0	92	40	0	825	0	0	0	0	0	92	0	25	65	2	158
11	Nhơn Trạch	3230	3010	312	0	127	0	1635	0	15	3808	0	0	0	30	400	1205	20	458	1154	23	1375
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		**13841**	**12366**	**479**	**732**	**137**	**0**	**5165**	**3830**	**32**	**20360**	**0**	**0**	**0**	**39**	**1044**	**4148**	**37**	**1474**	**4135**	**82**	**7201**
TỔNG TẦNG (3+2+1)		**25118**	**21956**	**790**	**1009**	**160**	**3**	**10437**	**5394**	**504**	**44929**	**22**	**3**	**33**	**252**	**2948**	**7169**	**99**	**2741**	**8039**	**423**	**8805**

Phụ lục 3: Tình hình Khu cách ly tập trung

TT	Địa phương	Các điểm cách ly tập trung đang hoạt động	Năng lực theo Quyết định *(giường)*	Năng lực thực tế *(giường)*	Trong ngày		Hiện có *(người)*	Tổng số hoàn thành cách ly	Còn trống *(giường)*	Trường hợp cách ly được 12 ngày	Trường hợp cách ly được 13 ngày	Trường hợp cách ly được 14 ngày
					Số mới vào cách ly	Số hoàn thành cách ly						
1	Biên Hòa	7	2.064	1.799	52	105	646	4.969	1.153	12	15	16
2	Long Khánh	1	150	150	0	0	0	312	150	0	0	0
3	Vĩnh Cửu	8	3.655	3.655	0	48	1.011	115.031	2.644	9	8	9
4	Định Quán	2	200	200	0	16	36	1.357	164	0	0	16
5	Tân Phú	2	200	200	0	6	31	450\6	169	0	0	0
6	Trảng Bom	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Thống Nhất	1	136	136	0	3	9	1.168	127	0	0	0
8	Xuân Lộc	1	300	300	24	63	101	1.598	199	10	13	13
9	Cẩm Mỹ	2	550	250	45	10	258	1.520	23	17	11	30
10	Long Thành		300	300	3	21	324	502	0	21	0	0
11	Nhơn Trạch	11	1.448	1.448	0	0	370	9.850	1.105	0	0	0
Tổng		**35**	**9.003**	**8.438**	**124**	**272**	**2.786**	**136.307**	**5.734**	**69**	**47**	**84**